

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **97/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/9/2022

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Mỹ Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Văn Na;

2. Bà Lê Hải Vân;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 130/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh Th**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

**\* Bị đơn: Anh Châu Tấn Hoàng Nhựt L**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Mai Thị Tuyết L**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện châu Thành, tỉnh Bến Tre.

**Nguyễn Thanh M**, sinh năm: 1963.

**Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm: 1961.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ông M, bà D, chị L có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:*

Chị và anh Linh tự nguyện kết hôn vào năm 2008, hôn nhân do chúng tôi tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh L cờ bạc, không lo cho gia đình và còn đánh đập chị Th. Chị và anh L đã ly thân khoảng 02 năm nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Châu Nguyễn Yến V, sinh ngày 21/5/2004 và Châu Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 05/10/2008. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Theo lời trình bày tại các biên bản hòa giải, các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Châu Tấn Hoàng Nhựt L trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Th về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn. Theo anh L thì trong quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Khoảng 02-03 năm nay thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Th có người khác. Việc anh L cho rằng chị Th có người khác là do anh L có bắt gặp tin nhắn qua lại chứ không còn chứng cứ nào khác để chứng minh. Anh và chị Th đã ly thân khoảng 02 năm nay. Nay chị Th xin ly hôn anh L đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung tên Châu Nguyễn Yến V, sinh ngày 21/5/2004 và Châu Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 05/10/2008. Khi ly hôn anh L yêu cầu mỗi bên nuôi 01 con chung. Anh L yêu cầu nuôi con là Nhựt Ho, chị Th nuôi Yến V. Hai bên khỏi cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản riêng: Tại biên bản hòa giải ngày 22/3/2022 anh L trình bày: Trước đây anh L có bán căn nhà là tài sản riêng của anh L. Sau đó có đem tiền về cất 01 căn phòng, nhà bếp, thay bóng đèn, thay dây điện trên phần căn nhà của cha mẹ vợ anh L tại ấp 6, xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để vợ chồng và các con sinh sống. Tuy nhiên, sau đó anh L trình bày số tiền đầu tư trên là tiền riêng do anh L đi làm mà có. Nhưng sống được khoảng nửa tháng chị Th bỏ đi nên anh L cũng không thể sống được ở nhà cha mẹ vợ nữa. Theo anh L thì số tiền anh đầu tư xây dựng căn phòng, xây dựng nhà bếp, làm đường dây điện, thay bóng đèn là 42.000.000đồng. Nay ly hôn anh L yêu cầu chị Th giao lại cho anh L số tiền là 42.000.000đồng là số tiền đầu tư xây cất, sửa chữa nhà ba mẹ chị L.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mai Thị Tuyết L trình bày: Chị có đứng tên QSD đất phần đất thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Đất có nguồn gốc của bà ngoại chị Linh để lại. Sau khi bà ngoại chị L mất thì mẹ của chị L để cho chị L đứng tên trong giấy chứng

nhận QSD đất. Chị L có cho cha mẹ chị Thu cất 01 cái nền nhà ở trên đất của chị L khoảng hơn 20 năm nay. Nhà có chiều ngang 10 m, chiều dài 13m, nhà do cha mẹ chị Th quản lý, sử dụng. Đến năm 2020, chị Thu có về sửa chữa nhà và cất 01 căn phòng trên căn nhà của cha mẹ chị Th. Giá trị xây dựng bao nhiêu thì chị L không biết. Nay chị L cho rằng căn phòng sửa chữa trên phần đất của chị L trước đây cho cha mẹ chị Th cất nhà ở nên chị L cũng không có ý kiến gì. Chị L đồng ý để cho cha mẹ chị Th tiếp tục ở trên đất và không có ý kiến gì. Còn về yêu cầu của anh L yêu cầu chị Thu giao lại 42.000.000 đồng tiền xây dựng, sửa chữa phòng thì chị L không có ý kiến gì. Tùy chị Th, anh L quyết định. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị, chị không khiếu nại gì.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh i và bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:* Ông M, bà D là cha mẹ ruột của chị Th. Sau khi chị Th và anh L kết hôn sống tại nhà riêng của chị Th và anh L. Năm 2020, chị Th và anh L bán nhà để trả nợ và dự định ra nhà trọ để sinh sống. Nhưng do ông M, bà D thương cháu ngoại là con của chị Th, anh L còn nhỏ nên mới cho vợ chồng chị Th, anh L về sửa chữa nhà để cho các con anh L và chị Th ở. Khi chị Th và anh L về sống với gia đình ông M, bà D thì có xây dựng 01 căn phòng cho 02 con chị Th, anh L ở. Căn phòng này trước đây là phòng của ông M nhưng anh L đập hết và xây cất lại. Căn phòng có chiều ngang khoảng 03 m, dài khoảng 04m. Căn phòng này đã được tô, sơn, lát gạch bông và đóng la phong. Ngoài ra anh L, chị Th còn bỏ tiền ra để xây cất căn nhà bếp có chiều ngang khoảng 03m, chiều dài khoảng 04m. Nhà bếp được tô, sơn và lát gạch bông. Nhà bếp này trước đây cũng có sẵn nhưng do anh L về muốn làm lại nên mới đập xây cất lại. Theo ông M, bà D thì nguồn tiền anh L, chị Th đem về sửa chữa nhà là do chị Th, anh L bán nhà. Lúc anh L, chị Th về ở thì nhà ông M đã có sẵn nên không có việc bỏ tiền để đi đường dây điện, chỉ có thay vài cái bóng đèn. Ông M, bà D cũng thừa nhận anh L, chị Th có bỏ tiền để tô, sơn 02 mặt vách trong và ngoài căn phòng của của ông M. Theo ông Mai, bà D số tiền anh , chị Th đã đầu tư trên căn nhà ông M, bà D khoảng 30.000.000đồng. Lúc làm thì do anh L, chị Th mua vật tư nên số lượng cụ thể bao nhiêu thì ông, bà không nắm được. Ông M cũng bỏ công vào việc xây dựng các công trình trên khoảng một tháng mười mấy ngày. Thời điểm đó ông M cũng có mượn 02 thợ hồ để phụ ông M làm ở trên cao được 02 ngày. Hiện nay anh L cũng không còn ở nhà của ông M, bà D nữa. Căn phòng thì hiện nay các con anh L, chị Th đang ở. Nhà bếp ông M, bà D đang sử dụng. Điện, bóng đèn từ trước đến nay đều có sẵn. Nay qua yêu cầu khởi kiện của anh L thì ông M, bà D đồng ý có trách nhiệm bồi hoàn chi phí sửa chữa nhà cho anh L. Tuy nhiên nguồn tiền để sửa chữa nhà có nguồn gốc từ tiền bán căn nhà là tài sản chung của chị Th và anh L. Ông M và bà D sẽ bàn bạc với chị Th về yêu cầu bồi hoàn chi phí sửa chữa nhà cho anh L. Chị Th quyết định bồi hoàn số tiền cụ thể bao nhiêu thì ông M, bà D đều thống nhất và đồng ý có trách nhiệm cùng chị Th bồi hoàn tiền cho anh L. Nay ông M, bà D bận đi làm nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông, bà. Ông M, bà D không khiếu nại gì sau này về việc Tòa án tiến hành

giải quyết vắng mặt ông, bà. Ngày 14/9/2022 bà D có mặt tại phiên tòa, bà cũng giữ ý kiến như trên.

*Đại diện VKSND huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:*

**Về tố tụng:** Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không vi phạm tố tụng, những người tham gia tố tụng tại phiên tòa chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

**Về nội dung giải quyết vụ án:** Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 33, 56, 59, 81 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết HĐTP ngày 23/8/2000:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh Thu. Chị Thu được ly hôn với anh Châu Tấn Hoàng Nhựt L

- Về con chung: Cháu Châu Nguyễn Yến V đã trưởng thành nên không xem xét, đối với cháu Châu Nguyễn Nhựt H giao chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Anh L có quyền , nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, anh L và chị Th có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Tài sản chung: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh Th, ông Nguyễn Thanh M và bà Nguyễn Thị Mỹ D có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho anh Linh ½ số tiền xây dựng và sửa chữa nhà là 17.420.000đồng.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Thanh Th với anh Châu Tấn Hoàng Nhựt L là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh L hiện đang cư trú tại xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M, bà D, bà L có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt ông M, bà D, bà L là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật TTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh Th và anh Châu Tấn Hoàng Nhựt L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/6/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Th trình bày là do anh L cờ bạc, không lo cho gia đình và còn đánh đập chị Th. Anh L cho rằng nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do chị Th có người khác. Tuy cả hai không thống nhất về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Nhưng cả hai đều thừa nhận đã ly thân hơn 02 năm nay. Nay chị Th xin ly hôn anh Linh đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều

55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thu và anh Linh

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Châu Nguyễn Yến V, sinh ngày 21/5/2004 và Châu Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 05/10/2008. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L yêu cầu nuôi con chung là Nhựt H, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy: Từ khi ly thân cả hai con chung đều sống với chị Thu. Hiện nay Yến V đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Tại biên bản ghi nhận ý kiến con từ 07 tuổi trở lên cháu H có nguyện vọng sống với chị Th. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Th. Giao con chung là Châu Nguyễn Nhựt H cho chị Th nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản*: Theo chị Th trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng chị Th, anh L có bỏ tiền ra để sửa chữa 01 căn phòng hiện nay 02 con chị Th, anh L đang ở, 01 cái nhà bếp và tô sơn bức tường 02 mặt phòng của cha chị Th. Chi phí sửa chữa nhà khoảng 32.000.000đồng. Chị Th cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng chị. Khi ly hôn chị Th đồng ý cùng ông M, bà D có trách nhiệm hoàn lại cho anh Linh số tiền là 16.000.000đồng. Anh L yêu cầu khi ly hôn chị Th có trách nhiệm giao lại cho anh Linh số tiền là 42.000.000đồng. Đây là số tiền anh L đầu tư vào xây dựng, sửa chữa căn nhà của cha mẹ ruột chị Th gồm xây căn phòng cho 02 con đang ở, xây dựng nhà bếp, tô và sơn 02 vách tường của phòng ông M, làm điện nước, thay bóng đèn nhà của cha mẹ ruột chị Th. Nhà tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh L không còn hóa đơn, chứng từ mua vật tư để cung cấp cho Tòa án vì thời gian đã lâu, anh L không còn giữ. Theo anh L nguồn tiền để xây dựng, sửa chữa nhà là tiền riêng của anh L. Thời điểm đó anh L và chị Th vẫn còn sống chung, nhưng tiền ai người đó xài. Cơm nước trong nhà do chị Th lo, lâu lâu có tiền thì anh L đưa cho chị Th, chứ không có cố định đưa tiền hàng tháng. Anh L yêu cầu khi hôn ai là người quản lý sử dụng tài sản của anh L đã bỏ tiền ra xây dựng, sửa chữa nhà của ông M, bà D thì có trách nhiệm hoàn trả cho anh số tiền 42.000.000đồng. Việc ông M, bà D, chị Th đồng ý có trách nhiệm hoàn trả tiền cho anh thì anh L cũng đồng ý. Nhưng số tiền phải hoàn đủ cho anh L là 42.000.000đồng. Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án ra thông báo cho anh L cung cấp chứng cứ chứng minh nguồn tiền để xây cất, sửa chữa nhà là tài sản riêng của anh L, cung cấp hóa đơn, chứng từ để chứng minh số tiền đã đầu tư vào xây dựng, sửa chữa nhà là 42.000.000đồng. Tuy nhiên anh L không có cung cấp chứng cứ gì. Hội đồng xét xử nhận thấy phần tiền xây dựng, sửa chữa nhà là trong thời gian chị Th và anh L còn sống chung. Do đó, không có căn cứ chứng minh đây là tài sản riêng của anh L.

[4.1] Chị Th cho rằng chị và anh L bỏ tiền ra sửa chữa căn phòng, nhà bếp, tô, sơn 02 mặt bức tường phòng của ông M trên căn phần căn nhà của cha mẹ ruột chị Th. Anh L cho rằng căn phòng, nhà bếp là do anh xây dựng mới, tô, sơn 02 mặt bức tường phòng của ông M. Hai bên không thống nhất nhau về lời trình bày. Tuy

nhien, tại biên bản xác minh ngày 19/8/2022 thì ông M, bà D xác định căn phòng mà hiện nay các con anh L đang ở, nhà bếp là trước đây có sẵn. Tuy nhiên anh L về đã đập và xây dựng mới nên có cơ sở xác định lời trình bày của anh L đầu tư xây dựng mới là đúng thực tế. Anh L, chị Th không thống nhất với nhau về số tiền đã đầu tư xây dựng căn phòng, nhà bếp, tô sơn 02 mặt của bức tường phòng ông M. Tuy nhiên, trong quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá các bên đương sự thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá của Tòa án nên căn cứ vào kết quả định giá để làm căn cứ xác định giá trị khi bồi hoàn.

[4.2] Theo kết quả định giá ngày 19/8/2022 thể hiện: Căn phòng của ngôi nhà cấp 4 có kết cấu móng, cột bê tông, cột gạch, tường ngăn phòng, bao che xây gạch 10 cm, hoàn thiện sơn nước, nền lót gạch Ceramic, mái tol tráng kẽm được xác định giá trị là 25.543.000đồng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh L thừa nhận phần căn phòng bao gồm mái tol và đòn tay có sẵn được Hội đồng định gia xác định giá trị là 5.108.000đồng. Do đó phần căn phòng trên được xác định giá trị xây cất là 20.435.000đồng sau khi đã khấu trừ đi phần mái tol và đòn tay đã có sẵn. Nhà bếp gồm: 04 bức tường xây gạch tráng vữa xi măng, tô, sơn nước được xác định giá trị là 7.886.000đồng, gạch lót nền được xác định giá trị là 3.780.000đồng, cát san lấp 10 m<sup>3</sup> được xác định giá trị là 1.785.000đồng. Phần tô, sơn mặt trong và mặt ngoài của bức tường phòng ông M được xác định giá trị là 954.000đồng. Anh L trình bày có anh có bỏ tiền thay dây điện, bóng đèn nhưng chị Th, ông M, bà D không thừa nhận và anh L cũng không có chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét phần dây điện, bóng đèn theo lời trình bày của anh L. Tổng giá trị tài sản mà anh L, chị Th đã đầu tư vào xây dựng căn phòng, nhà bếp, tô, sơn 02 mặt bức tường phòng của ông M là 34.840.000đồng. Đây là tài sản của của chị Th và anh L đầu tư xây dựng trong thời kỳ hôn nhân. Nay chị Th không có yêu cầu giải quyết gì về phần tài sản chung của chị Th đã đầu tư nên được ghi nhận. Căn nhà hiện nay do bên chị Th, ông M, bà D đang quản lý, sử dụng. Khi ly hôn chị Th, ông M, bà D cũng đồng ý có trách nhiệm giao lại cho anh L ½ giá trị tài sản trên. Do đó, buộc chị Th, ông M, bà D có trách nhiệm liên đới giao lại cho anh L số tiền là 17.420.000đồng.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[6] Về chi phí tố tụng: Anh L tự nguyện chịu và không có yêu cầu gì nên được ghi nhận.

[7] Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Th, ông M, bà D phải liên đới nộp là 871.000đồng.

Xet đề nghị của viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có cơ sở nên được chấp nhận toàn bộ

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh Th và anh Châu Tấn Hoàng Nhựt L;

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Châu Nguyễn Yến V, sinh ngày 21/5/2004 và Châu Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 05/10/2008. Khi ly hôn chị Thu được quyền nuôi con chung tên Châu Nguyễn Nhựt H. Riêng Châu Nguyễn Yến V đã trưởng thành nên không xét đến.

Ghi nhận chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh Th, ông Nguyễn Thanh M, bà Nguyễn Thị Mỹ D có trách nhiệm giao lại cho anh L số tiền là 17.420.000đồng là giá trị  $\frac{1}{2}$  số tiền đã đầu tư, xây dựng trên căn nhà của ông M, bà D.

4 Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

### 5. Về Án phí:

- Chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006285 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Th, ông M, bà D liên đới nộp 871.000đồng (Tám trăm bảy mươi một ngàn đồng). Chị Th, ông M, bà D còn phải nộp số tiền này.

- Hoàn lại cho anh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.050.000đồng (Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006332 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Châu Thành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Tân Thạch, Châu Thành, BT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( Đã ký tên và đóng dấu)

**Phan Thị Mỹ Hạnh**